

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU VỀ NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ THỂ HIỆN THÁI ĐỘ TRONG CÁC BÀI ĐỌC HIỂU TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH LỚP 9 TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

NGUYỄN THỊ MỸ LỆ*

TÓM TẮT: Ngôn ngữ đánh giá đóng một vai trò quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ của con người trong đời sống hàng ngày. Nó đã trở thành một lĩnh vực hấp dẫn, thu hút các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trong những năm gần đây, đặc biệt là xu hướng nghiên cứu chức năng của ngôn ngữ. Vì vậy, tìm hiểu *Ngôn ngữ đánh giá* đã trở thành yêu cầu thiết yếu trong quá trình nghiên cứu một ngôn ngữ cụ thể. Trong bài báo này, chúng tôi trình bày nội dung cơ bản về khung đánh giá được phát triển bởi J.Martin và P.White với mô hình siêu chức năng liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn bao gồm ba phạm trù: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement), từ đó chúng tôi áp dụng khung lý thuyết này với mục đích khảo sát và tìm ra các đặc điểm ngôn ngữ đánh giá thể hiện Thái độ trong các bài đọc hiểu trong sách giáo khoa tiếng Anh lớp 9 để giúp học sinh có khả năng sử dụng ngôn từ chính xác và có tính thẩm mỹ cao.

TỪ KHÓA: ngôn ngữ học chức năng; ngôn ngữ đánh giá; ngữ vực; thái độ; nghĩa liên nhân.

NHẬN BÀI: 16/8/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/10/2022

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ không chỉ đơn giản là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người mà ngôn ngữ còn là một thực thể chịu tác động của rất nhiều nhân tố trong xã hội hay các đặc trưng xã hội và văn hóa. Tuy cùng chung một ngôn ngữ nhưng theo từng ngữ cảnh văn hóa và ngữ cảnh xã hội khác nhau mà người nói/ viết sử dụng phương tiện ngôn ngữ khác nhau. Ngôn ngữ không chỉ có nghĩa mà còn có giá trị trong môi trường xã hội của nó - “*nơi nghĩa luôn thấm đẫm sự phán xét về giá trị*” [Volosinov, 1973; dẫn theo Nguyễn Bích Hồng - Phạm Hiền, tr.11]. Vì vậy, việc tìm hiểu và đánh giá ngôn ngữ đã trở thành một yêu cầu thiết yếu trong quá trình nghiên cứu một ngôn ngữ cụ thể của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ.

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, việc đa dạng hóa các chương trình, sách giáo khoa (SGK), học liệu, xây dựng và phát triển môi trường thực hành ngoại ngữ cũng là một nhiệm vụ quan trọng được đặt ra để học sinh trong nhà trường có đủ năng lực ngoại ngữ. Nhiệm vụ này nhằm đề tạo ra nguồn nhân lực có năng lực cao đáp ứng với sự phát triển của đất nước và nhu cầu ngày càng cao xã hội. Trong các công trình nghiên cứu trước đây, mặc dù đã có những nghiên cứu về cơ chế ngôn ngữ được sử dụng để thể hiện cảm xúc và đánh giá của con người nhưng hầu như chưa có công trình nào được bàn đến ở Việt Nam về phân tích và đánh giá ngôn ngữ được sử dụng trong nội dung sách SGK cấp Trung học cơ sở (THCS).

Trong khuôn khổ của ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday và các đồng nghiệp của ông thuộc trường phái ngữ pháp chức năng ở Sydney, và đặc biệt là lý thuyết đánh giá (*Appraisal theory*) do Martin và White (2005) phát triển từ tầng ngữ nghĩa diễn ngôn trong sự nhấn mạnh đến nghĩa đánh giá của ngôn ngữ ở bình diện mối quan hệ liên nhân. Những lý thuyết về ngôn ngữ đánh giá này với sự tập trung vào phạm trù Thái độ là nền tảng rất phù hợp để chúng tôi phân tích và tìm ra các đặc điểm về ngôn ngữ đánh giá biểu thị thái độ trong nội dung các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh thí điểm lớp 9, hệ chuẩn, cấp THCS nhằm để giúp cho học sinh phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ ngày càng chính xác hơn và thẩm mỹ cao hơn.

2. Những nội dung cơ bản của lý thuyết ngôn ngữ đánh giá

2.1. Dẫn nhập

* ThS-NCS; Trường THCS Trần Hưng Đạo, Quảng Ngãi; Email: nguyennmyleqn@gmail.com

Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Grammar/SFG) được M.A.K Halliday xây dựng phát triển từ thập niên 70 của thế kỉ trước có thể xem là cách tiếp cận tín hiệu học hệ thống về ngôn ngữ. Theo Halliday, ngôn ngữ được xem là nguồn tạo nghĩa (*Language is a meaning making resource*). Tư tưởng cốt lõi của cách những sự lựa chọn có quan hệ với nhau để tiếp cận này là xem ngôn ngữ như một hệ thống diễn đạt nghĩa, và ngôn ngữ đã tiến hóa để đảm bảo thực hiện được chức năng đó.

Martin nhấn mạnh đến ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics/SFL) với tư cách là một lí thuyết toàn diện về ngôn ngữ và ngữ cảnh xã hội, được cấu thành từ năm cấp độ trừu tượng là ngữ âm học, từ vựng ngữ pháp, ngữ nghĩa học diễn ngôn, ngữ vực và thể loại. Năm cấp độ này đan cài với nhau, và biên độ được mở rộng dần từ ngữ âm đến thể loại. Ngữ pháp chức năng hệ thống cho rằng trong một cú (clause) có đến 3 cấu trúc dùng để thực hiện 3 chức năng khác nhau (cũng là 3 loại nghĩa khác nhau). Ba loại nghĩa này thực chất là ba siêu chức năng của ngôn ngữ (metafunction): siêu chức năng trải nghiệm, siêu chức năng liên nhân và siêu chức năng văn bản.

Bài viết này thực hiện dựa trên nền tảng lí thuyết Ngôn ngữ đánh giá, chủ yếu là bộ công cụ đánh giá (Appraisal framework). Khung đánh giá là một hệ thống để thương lượng nghĩa liên nhân, cụ thể hơn với các biểu thức về nghĩa thái độ, hệ thống đánh giá bằng ngôn ngữ. Lí thuyết này vừa là thành tựu vừa là sự nỗ lực để phát triển một khuôn khổ toàn diện nhằm để phân tích đánh giá trong diễn ngôn do Martin và một nhóm các nhà ngôn ngữ học chức năng ở Sydney phát triển vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 dựa trên mô hình lí luận của ngôn ngữ học chức năng hệ thống. Theo Peter White, bộ công cụ đánh giá là "*một cách tiếp cận để khám phá, mô tả và giải thích cách ngôn ngữ được sử dụng để đánh giá, áp dụng lập trường, xây dựng văn bản, quản lí vị trí và mối quan hệ liên nhân*" [Nguyễn Văn Hiệp, 2015, tr.1].

Bộ công cụ đánh giá này cho chúng ta thấy các tài nguyên ngôn ngữ đánh giá để thể hiện cảm xúc cá nhân, sự phán xét về nhân vật và hành vi của mọi người và sự đánh giá cao của sự vật hiện tượng được dựa trên khung đánh giá, vốn là một nguồn tài nguyên nghĩa liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn trong lí thuyết ngôn ngữ học chức năng hệ thống (SFL). Nó giúp "người viết hoặc người nói đánh giá tích cực hoặc tiêu cực các thực thể, diễn biến và các vấn đề liên quan đến văn bản của họ" [Nguyễn Văn Hiệp, 2015, tr.1].

Khung đánh giá được chia thành ba trường nghĩa chính là: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement).

Thái độ là người nói hay người viết trực tiếp biểu thị cảm xúc hoặc thái độ tích cực hay tiêu cực đối với người khác, đối với các sự vật, hiện tượng hoặc tác động để người khác có cùng thái độ với mình.

Thang độ là cách người nói hay người viết tăng hay giảm cách đánh giá của mình, làm rõ hoặc làm mờ ranh giới các phạm trù ngữ nghĩa mà họ muốn diễn đạt.

Thỏa hiệp là việc sử dụng các nguồn ngôn ngữ mà người nói hay người viết hướng mình vào đối thoại hay tranh luận với những gì người khác đã nói trước đó để đưa ra quan điểm khẳng định hay phủ định một đánh giá đó. Hay nói cách khác, thỏa hiệp xác định rõ vị trí và vai trò của chính người sử dụng ngôn ngữ (người viết/ người nói) đối với những phát ngôn xuất hiện liền trước hay liền sau nội dung đang được nói tới ở diễn ngôn.

Trong bài này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu phân tích ngôn ngữ đánh giá thể hiện Thái độ (Attitude), đây là phạm trù chính của mô hình đánh giá. Hệ thống thái độ (Attitude) gồm ba bình diện là: Tác động (Affect), Phán xét hành vi (Judgement) và Đánh giá sự vật, hiện tượng (Appreciation). Thái độ có thể là tích cực hoặc tiêu cực, được biểu thị hiện ngôn hoặc hàm ngôn.

2.2. Hệ thống thái độ

2.2.1. Tác động

Tác động được xem là trung tâm của các bình diện trong hệ thống thái độ vì nó là một nguồn diễn đạt tâm sinh lí đồng hành với con người từ lúc mới sinh ra. Theo Martin & White, tác động là nguồn ngôn ngữ tạo ra cảm xúc, tình cảm [Nguyễn Văn Hiệp, 2015, tr.45]. Phản ứng cảm xúc như *vui, buồn, thích, không thích, sợ...* đối với các sự kiện đang diễn ra được diễn đạt của chủ thể đánh giá. White (1988) cho rằng tác động được chia thành các nhóm nhỏ sau:

- Tác động tích cực (positive) hoặc tiêu cực (negative), chẳng hạn như vui (tích cực) hay buồn (tiêu cực), ví dụ:

*"I am very **happy**."* (Tôi rất **vui**)/ *"We are **disappointed**."* (Chúng tôi **thất vọng**.)

- Tác động tạo ra sóng hành vi (surge of behaviour) hay liên quan đến trạng thái cảm xúc (emotive state) hoặc trạng thái tâm lý (mental process), ví dụ:

*"The captain **felt sad**."* (Đội trưởng **cảm thấy buồn**.)

- Tác động được hiện thực hóa thông qua một phản ứng với tác thể khác (A reaction to a trigger), ví dụ:

*"My younger sister **hates milk**."* (Em gái tôi **ghét sữa**.)

hay biểu thị một tâm trạng ẩn chứa bên trong (an undirected mood), ví dụ:

*"Anh ấy **buồn bã**."* (He is **upset**.)

- Tác động theo các mức độ thấp, trung bình, cao, ví dụ: không thích (dislike) - ghét (hate) - ghét cay ghét đắng (detest), ví dụ:

*"Lan **dislikes coffee**."* (Lan **không thích** cà phê)

*"Lan **hates coffee**."* (Lan **ghét** cà phê.)

*"Lan **detests coffee**."* (Lan **ghét cay ghét đắng** cà phê.)

- Tác động có liên quan đến tiềm ẩn (irrealis), ví dụ:

*"The captain **feared leaving**."* (Đội trưởng **sợ** rời đi.)

hay cảm xúc liên quan đến những hành động đang diễn ra (realis stimulus), ví dụ:

*"The captain **disliked leaving**."* (Đội trưởng **không thích** rời đi.)

- Tác động thể hiện Bất hạnh/ Hạnh phúc (Un/Happiness), mức độ Không an toàn/ An toàn (In/Security), Không thỏa mãn/ Thỏa mãn (Dis/Inclination). Mỗi loại tác động được chia thành hai loại nhỏ.

2.2.2. Phán xét hành vi

Phán xét hành vi có thể được coi là nguồn ngôn ngữ đánh giá hành vi của con người. Martin cho rằng "Phán xét có liên quan đến các nguồn lực để đánh giá hành vi dựa theo các nguyên tắc quy chuẩn" [Nguyễn Văn Hiệp, 2015, tr.35]. Chúng ta có thể biểu thị thái độ khen ngợi, ngưỡng mộ, chỉ trích, lên án, phản đối hành động của người khác. Phán xét hành vi được chia thành hai loại chính gồm thuộc tính cá nhân (Social Esteem) và thuộc tính xã hội (Social Sanction).

- Thuộc tính cá nhân (Social Esteem) là phán xét dựa trên chuẩn mực về nhận thức và năng lực xã hội phán xét hành vi con người như quan tâm, khen ngợi hoặc chỉ trích những thuộc tính cá nhân không liên quan đến pháp luật. Thuộc tính cá nhân bao gồm ba nhóm:

(a) Bình thường (Normality): ai đó đặc biệt hay bất thường như thế nào?

(b) Khả năng (Capacity): ai đó có khả năng như thế nào?

(c) Kiên trì (Tenacity): ai đó có kiên trì/ quyết tâm không?

- Quy ước xã hội (Social Sanction): phán xét dựa trên chuẩn mực đạo đức đánh giá hành vi của con người. Quy ước xã hội được chia thành hai nhóm nhỏ:

(a) Thành thật (Veracity): ai đó có thật thà không?

(b) Khuôn phép (Propriety): ai đó có chuẩn mực không?

Cũng như tác động, phán xét có thể là mang nghĩa tích cực hoặc tiêu cực và được thể hiện hiển ngôn hoặc hàm ngôn.

2.2.3. Đánh giá sự vật, hiện tượng

Đánh giá sự vật, hiện tượng (SVHT) là nguồn tài nguyên ngôn ngữ đánh giá các sự vật, hiện tượng tự nhiên, đặc điểm ngoại hình hay quá trình. Đánh giá SVHT được chia làm ba nhóm nhỏ:

- Phản ứng (Reaction): miêu tả hiệu ứng cảm xúc, đánh giá tác động của người về sự vật, sự kiện.

- Kết cấu (Composition): chỉ đặc điểm cấu thành của vật, đề cập đến việc đánh giá sự cân bằng hay sự phức tạp của sự vật. Đánh giá này dựa theo quan điểm cá nhân, theo văn hóa, theo tiêu chuẩn xã hội.

- Giá trị (Valuation): đánh giá về tầm quan trọng về mặt giá trị xã hội như muốn biết chúng có ích không? có quan trọng không?

Mỗi trường nghĩa của đánh giá sự vật, hiện tượng cũng có ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực. Đôi khi thực tế là miền nghĩa nhỏ không rõ ràng nên khi phân tích ngôn ngữ đánh giá rất khó xác định một đánh giá là Phán xét hay là Đánh giá SVHT. Ví dụ:

“She has a beautiful voice.” (Cô ấy có giọng hát hay.)

Diễn ngôn này có thể là Phán xét khi muốn biểu thị lời khen với cô ấy hoặc có thể là Thăm giá khi muốn biểu thị ca ngợi đối với giọng hát của cô ấy.

Trong ba bình diện về Thái độ thì Tác động chỉ về cảm xúc của chủ thể đánh giá; còn Phán xét hành vi và Đánh giá sự vật, hiện tượng lại chỉ về đặc điểm, tính chất, thuộc tính của sự vật, hiện tượng, đối tượng được đánh giá.

3. Ngữ liệu nghiên cứu

Thực hiện theo “*Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, sách giáo khoa tiếng Anh lớp 9, ở bậc THCS được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp THCS. Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh sử dụng ngữ liệu (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó, ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói. Sách giáo khoa tiếng Anh lớp 9 được biên soạn xoay quanh bốn chủ điểm (Theme) gắn gũi với tâm lí lứa tuổi học sinh: *Our Communities, Our Heritage, Our World* và *Vision of the Future*. Nội dung các bài đọc hiểu trong sách tiếng Anh lớp 9 được biên soạn dựa trên đặc điểm văn hóa Việt Nam và của các nước trên thế giới, đặc biệt được coi trọng là các nước nói tiếng Anh. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê, phân tích định lượng trong phạm vi nội dung của 25 bài đọc hiểu trong SGK tiếng Anh lớp 9, hệ chuẩn, cấp THCS để tìm ra ngôn ngữ đánh giá được sử dụng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khảo sát tổng quát về tần suất sử dụng chức năng biểu thị thái độ

Theo Martin và White (2005), hệ thống đánh giá bao gồm ba lĩnh vực chính, cụ thể là thái độ, thang độ và dần thân liên quan với các nguồn ngôn ngữ mà người nói/ người viết có thể đưa ra đánh giá tích cực và tiêu cực của họ về con người, phản ứng cảm xúc, sự việc, hiện tượng. Trong ba bình diện của hệ thống đánh giá, hệ thống thái độ phân tích các nguồn lực và hỗ trợ tương ứng để giải thích nghĩa liên nhân, đặc biệt ngôn ngữ đánh giá về thái độ.

Thái độ là một bình diện chính trong bộ công cụ đánh giá và hữu ích cho việc đánh giá ngôn ngữ về thái độ trong diễn ngôn/ văn bản. Thái độ bao gồm ba hệ thống nhỏ: Tác động, Phán xét hành vi và Đánh giá sự vật, hiện tượng. Các bài đọc hiểu tiếng Anh trong SGK lớp 9 tập trung theo nhiều chủ đề khác nhau như xã hội, văn hóa, môi trường, khoa học kĩ thuật, khoa học vũ trụ, quan điểm của người viết... thông qua việc sử dụng ngôn ngữ đánh giá về cảm xúc, phán xét nhân vật, phán xét hành vi, đánh giá sự vật hiện tượng khá phong phú và đa dạng. Qua việc phân tích các trường nghĩa được sử dụng như các nguồn đánh giá, chúng ta có kết quả ngôn ngữ đánh giá khác nhau. Sau đây là kết quả thống kê của chúng tôi.

Bảng 1. Thống kê các nguồn ngôn ngữ đánh giá trong các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9, cấp THCS

Loại thái độ	Phân cực và tỉ lệ				Tổng số lượt từ ngữ
	+	Tỉ lệ %	-	Tỉ lệ %	
Tác động	51	86,4	8	13,6	59
Phán xét hành vi	21	77,8	6	22,2	27
Đánh giá sự vật, hiện tượng	107	89,9	12	10,1	119
Tổng cộng	179	87,3	26	12,7	205

4.2. Chức năng biểu thị thái độ của ngôn ngữ đánh giá trong các bài đọc hiểu

4.2.1. Tác động

Tác động là chủ thể đánh giá biểu thị thái độ của mình đối với các sự vật, hiện tượng thông qua việc tác động đến cảm xúc, thái độ.

Nhìn vào bảng 1, chúng tôi nhận thấy nguồn đánh giá về tác động được sử dụng 59 lần, trong đó ngôn ngữ hiện thực hóa Thái độ tích cực xuất hiện 51 lần, chiếm 86,4%, ngôn ngữ hiện thực hóa Thái độ tiêu cực xuất hiện 8 lần chiếm 13,6%). Ví dụ:

(1). *'We felt very **lonely** travelling in space, so hearing the voices of our relatives brought a lot of happiness to us.'* (Unit 10, p.54)

(2). *This kind of gossip makes me **uncomfortable and upset**.* (Review, p.38)

(3). *"But what I **like** most about Singapore is that it is multicultural - Chinese, Malay, Indian, European, and Vietnamese.* (Unit 2, p.21)

(4). *"I have always **wanted** to work in a big city where I thought I could make a bundle."* (Unit 4, p.45)

(5). *"I **hope** to become an opera singer."* (Unit 12, p.77)

Sau đây là bảng phân tích Tác động được thể hiện qua năm ví dụ trên.

Bảng 2. Bảng phân tích ngôn ngữ nhóm Tác động trong các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9, cấp THCS

STT	Chủ thể đánh giá (Appraiser)	Ngôn ngữ Tác động (Language of Affect)	Nhóm tác động (Sub-category)	Diễn giải (Explanation)
1	Phạm Tuấn và Christer Fuglesang	lonely	- Affect, - Satisfaction, - Unhappiness	Phạm Tuấn cảm thấy cô đơn khi du hành vũ trụ trong thời gian dài.
22	Upset	uncomfortable and upset	- Affect, - Unhappiness, - Insecurity	Upset lo âu và buồn bã vì nhiều bạn gái thường hay ngồi lê đôi mách, nói xấu giáo viên.
33	Tác giả	like	+ Affect, + Satisfaction, + Happiness,	Tác giả bày tỏ quan điểm của mình về việc yêu thích đất nước Singapore.
44	Tác giả	wanted	+ Happiness + Inclination	Tác giả mong muốn được làm làm việc trong một thành phố lớn để kiếm nhiều tiền.
55	Tú	hope	+ Affect, + Security	Tú hi vọng trở thành ca sĩ hát dòng nhạc thánh phòng.

4.2.2. Phán xét hành vi

Khi chúng ta giao tiếp với người khác, thái độ của chúng ta bao gồm ý kiến về hành vi của con người. Theo Martin và White (2005), ngôn ngữ đánh giá thể hiện "Phán xét hành vi" được chia làm 2 nhóm chính: Thuộc tính cá nhân (Social Esteem) và Quy ước xã hội (Social sanction). Nhóm Thuộc tính cá nhân bao gồm 3 nhóm: "thông thường", "khả năng", "kiên trì". Nhóm Quy ước xã hội bao gồm 2 nhóm: "thành thật" và "đạo đức". Trong nguồn ngữ liệu SGK môn tiếng Anh lớp 9 ở bậc THCS, NNĐG thể hiện "Phán xét hành vi" được thực hiện hóa bằng danh từ, động từ, tính từ và trạng từ.

Qua bảng khảo sát thống về chức năng biểu thị thái độ, nguồn đánh giá ngôn ngữ về phán xét có 27 lần xuất hiện, chiếm 13,2% trong tổng số ngôn ngữ đánh giá. Trong số NNĐG thể hiện phán xét hành vi, loại phán xét xuất hiện nhiều nhất là Khả năng. Ví dụ:

(6) *"Moreover, people **rarely** (- thông thường) moved away from their hometown, so childhood bonds were even stronger as children grew up playing together all their life."* (English 9, Review 2, p.72).

(7) “It seems that the girls are always **saying negative things** (- đạo đức) about our teachers, even our headmistress.” (Review 1, p.38)

(8) “It is said that the Japanese **eat with their eyes** (+ khả năng). Therefore, the arrangement of dishes is another significant feature of their eating habits. (Unit 7, p.14)

(9) “Astronauts do experiments together with Earth-based scientists, who consult with them on how **to deal with the challenges** of research in space. (+ kiên trì)” (Review 4, p.84)

(10) “Just as **caring** as her mother, she was **really to lend a hand** in my study and **to take care of me** when I was ill. (+ thành thật, + đạo đức)” (Unit 9, p.32)

Sau đây là bảng phân tích ngôn ngữ nhóm Phân xét được thể hiện qua năm ví dụ trên.

Bảng 2. Bảng phân tích ngôn ngữ nhóm Phân xét hành vi trong các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9, cấp THCS

STT	Đối tượng phân xét (Objects of judgement)	Ngôn ngữ phân xét (Language of Judgement)	Loại phân xét (Kinds of Judgement)	Diễn giải (Explanation)
66	People	rarely	- Normality	Người ta hiếm khi rời làng vì mối liên kết keo sơn gắn bó của tuổi thơ.
77	Nữ sinh	negative	+ Propriety	Học sinh hay ngồi lê đôi mách, nói xấu về thầy cô.
88	Người Nhật	eat with their eyes	+ Capacity	Người Nhật có tính thẩm mỹ cao trong văn hóa ẩm thực.
99	Các nhà phi hành gia	to deal with the challenges	+ Tenacity	Các nhà phi hành gia phải kiên trì với những khó khăn thử thách trong việc nghiên cứu khoa học trên không gian.
110	Bà con của tác giả	caring really to lend a hand to take care of	+ Propriety + Veracity	Họ là những người tốt và sẵn sàng giúp đỡ tác giả khi tác giả sống nhờ trong gia đình họ.

4.2.3. Đánh giá sự vật, hiện tượng

Đánh giá, sự vật hiện tượng là chúng ta thể hiện phản ứng trước sự vật, hiện tượng và đánh giá về khía cạnh của chúng. Theo Martin & White (2005), đánh giá SVHT được chia thành ba nhóm nhỏ: Phản ứng, Kết cấu và Giá trị. Qua bảng khảo sát thống kê, chúng tôi thấy đánh giá SVHT chiếm 58% với 119 lần xuất hiện trong tổng số nguồn ngôn ngữ đánh giá. Đánh giá SVHT được sử dụng trong nguồn ngữ liệu nghiên cứu của bài báo này chiếm tỉ lệ cao nhất trong biểu thức biểu thị thái độ. Ví dụ:

(11) “A conical hat may look **simple** (+ kết cấu), but artisans have to follow 15 stages, from going to the forest to collect leaves to ironing the leaves, making the frames, etc..” (Unit 1, p.12)

(12) “Singapore is a small city-state in Southeast Asia. It is a **lovely** (+ phản ứng) place to visit.” (Unit 2, p.21)

(13) “Thirdly, the city is **noisy** (- phản ứng), even at night..” (Unit 2, p.23)

(14) “It is a **vast** (+ kết cấu) complex of Buddhist temples and shrines, including Den Trinh (Presentation Shrine) and Thien Tru (Heaven Kitchen) Pagoda, in the limestone Huong Tich mountains..” (Unit 5, p.56)

(15) “Son Doong Cave is recognised as **the largest cave** (+ giá trị) in the world by BCRA (British Cave Research Association) and selected as one of **the most beautiful** (+ giá trị) on earth by the BBC (British Broadcasting Corporation).” (Unit 8, p.26)

Bảng phân tích ngôn ngữ nhóm Đánh giá SVHT được thể hiện sau đây:

Bảng 3. Bảng phân tích ngôn ngữ nhóm Đánh giá sự vật, hiện tượng trong các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9, cấp THCS

STT	Đối tượng đánh giá (Objects of Appreciation)	Ngôn ngữ phán xét (Language of Appreciation)	Nhóm đánh giá (Sub-category)	Diễn giải (Explanation)
111	Chiếc nón lá Huế	simple	+ Composition	Chiếc nón lá có kết cấu đơn giản.
112	Singapore	lovely	+ Reaction	Singapore là một nơi tuyệt vời để tham quan.
113	Cuộc sống ở thành phố	noisy	- Reaction	Thành phố rất ồn ào, ngay cả về ban đêm.
114	Chùa Hương	vast	+ Composition	Chùa Hương là một quần thể rộng lớn bao gồm nhiều đền và chùa ở núi đá Hương Tích.
5 15	Hang Sơn Đoòng	the largest cave	+ Valuation	Hang Sơn Đoòng được BCRA công nhận là hang động lớn nhất thế giới.

(15) “*Son Doong Cave is recognised as **the largest cave** (+ giá trị) in the world by BCRA (British Cave Research Association) and selected as one of **the most beautiful** (+ giá trị) on earth by the BBC (British Broadcasting Corporation).*” (Unit 8, p.26)

5. Kết luận

Lí thuyết Đánh giá cung cấp một bộ công cụ để khám phá ngôn ngữ đánh giá trong văn bản bằng cách phân tích nguồn tài nguyên mang chức năng liên nhân đồng thời cho thấy những tác động về mặt xã hội thể hiện xuyên suốt trong toàn văn bản. Qua khảo sát ngôn ngữ đánh giá thể hiện “Thái độ” qua các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9, chúng tôi nhận thấy các nhà biên soạn SGK đã sử dụng ngôn ngữ đánh giá thể hiện “Thái độ” tích cực chiếm tỉ lệ nhiều hơn đáng kể so với ngôn ngữ đánh giá thể hiện “Thái độ” tiêu cực. Ngoài ra, trong ba nhóm trường nghĩa thì Phán xét hành vi được sử dụng ít nhất; Tác động được sử dụng nhiều nhưng Đánh giá SVHT được sử dụng nhiều nhất.

Các nhà biên soạn đã sử dụng từ ngữ hiện thực hóa NNĐG “Thái độ” được giới thiệu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9 mang ngữ nghĩa cụ thể, dễ hiểu, gần gũi đối với năng lực và tâm lí lứa tuổi học sinh cuối cấp THCS. Các bài đọc hiểu trong SGK môn tiếng Anh lớp 9 được lựa chọn và sắp xếp xoay quanh những chủ điểm về Nhà trường, Gia đình, Thiên nhiên, Đất nước, Khoa học, Kỹ thuật, v.v. và theo từng thể loại như kể chuyện, lịch sử, tường thuật, đánh giá, bình luận, v.v. Vì vậy, theo tôi, các tác giả đã sử dụng ngôn ngữ trong SGK môn tiếng Anh lớp 9 đáp ứng được mục tiêu đào tạo giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của nước ta trong giai đoạn hiện nay trong việc phát triển phẩm chất và năng lực người học, đào tạo công dân tốt cho đất nước. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn mong muốn các nhà biên soạn chú trọng hơn nữa trong việc sử dụng NNĐG thể hiện “Phán xét hành vi” thông qua Thuộc tính xã hội để giáo dục học sinh những phẩm chất đạo đức rất cần thiết trong cuộc sống ngày nay như: lòng yêu nước, thương người; tính thật thà, chăm chỉ và sống có trách nhiệm.

Qua nghiên cứu này, chúng tôi cũng nhận thấy việc tìm hiểu, phân tích ngôn ngữ đánh giá là hết sức cần thiết trong dạy học tiếng Anh ở các cấp, đặc biệt là dạy đọc hiểu nhằm để giúp cho học sinh hiểu đúng, sâu sắc hơn về ý nghĩa của văn bản và góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn tiếng Anh ở cấp THCS cũng như các bậc học cao hơn ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Văn Canh (2011), "Khả năng ứng dụng ngữ pháp chức năng vào lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ", Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, *Ngoại ngữ*, Số 27, tr.88-95.
2. M.A.K. Halliday (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Hiệp (2015), "Ngữ pháp chức năng hệ thống và đánh giá ngôn ngữ "Phi chuẩn" của giới trẻ hiện nay theo quan điểm của ngữ pháp chức năng hệ thống", Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, Số 1 (231), tr.17-25.
4. Nguyễn Bích Hồng - Phạm Hiền (2018), "Ngôn ngữ đánh giá trong các bài phê bình sách tiếng Anh về Ngôn ngữ học", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 7 (274), tr.16-24.
5. Nguyễn Thị Hương Lan (2017), *Bước đầu khảo sát ngôn ngữ đánh giá trong chương trình tiếng Việt lớp 3*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Ngôn ngữ học Việt Nam - 30 năm đổi mới và phát triển, tháng 3/ 2017.
6. Hoàng Văn Vân (2011), "Chương trình và sách giáo khoa môn tiếng Anh trung học phổ thông, hệ chuẩn", Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ* 27 (2011), tr.96-106.
7. Trương Thị Như Thủy (2014), "Phát triển các nghiên cứu của M.A.K. Halliday trong giáo dục ngôn ngữ". Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 6, tr.40-45.

Tiếng Anh

8. Christie, F., & Unsworth, L. (2000), *Developing socially responsible language research. In L. Unsworth (Ed.), Researching language in school and communities: Fundamental linguistics perspective* (pp.1-26). London: Cassel.
9. Halliday, M.A.K. (1994), *An introduction to Functional Grammar*, London: Edward Arnold.
10. Halliday, M.A.K., & Mathiessen, C. M. I. M. (2004), *An introduction to Functional Grammar* (3rd ed.). London: Holder Education.
11. Martin J.R & White P.R.R (2005), *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, New York: Palgrave Macmillan Press.
12. Rose, D., & Martin, J. R. (2012), *Learning to Write, Reading to Learn: Genre, Knowledge and Pedagogy in the Sydney School*, UK: Equinox.
13. Siewierska A. (1991), *Functional Grammar*, London and New York: Routledge.
14. Thompson, G. (1996), *Introducing Functional Grammar*, Second edition, London: Edward Arnold.
15. Thu, T.B.N. (2013), *The deployment of the language of evaluation in English and Vietnamese spoken discourse*, a thesis submitted for the degree of Doctor of Philosophy at the University of New England.

**The preliminary survey results of language of evaluation expresses attitude
in the reading comprehension in the 9th grade English textbooks from the viewpoint
of systemic functional linguistics**

Abstract: Language of evaluation plays an important role in the use of human language in everyday life. It has become an attractive field, attracting linguistic researchers in recent years, especially the tendency to study the function of language. Therefore, understanding *Language of evaluation* has become an essential requirement in the process of researching a specific language. On this paper, we present generally the theory of Appraisal framework developed by Martin and White with the model of interpersonal metafunction at the level of discourse semantics including three categories: Attitude, Graduation and Engagement, then we apply the theory to survey and analyse the characteristics of language of evaluation expressing Attitude through the reading comprehension in the 9th grade English textbooks, standard category to help students develop their capability of using language exactly and having high aesthetics.

Key words: functional grammar; language of evaluation; register; attitude; interpersonal meaning.